

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **10380**/BKHT-QLĐT

V/v lấy ý kiến Dự thảo Thông tư ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

Hà Nội, ngày **08** tháng **12** năm 2023

Kính gửi:



- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội các nhà đầu tư công trình giao thông đường bộ Việt Nam;
- Hiệp hội Xử lý chất thải Việt Nam.

Để bảo đảm thực hiện Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Dự thảo Thông tư ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

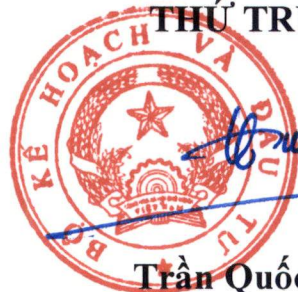
Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị nghiên cứu, góp ý kiến đối với Dự thảo Thông tư nêu trên và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20/12/2023** (đồng thời gửi file văn bản về địa chỉ email: [phuongptm@mpi.gov.vn](mailto:phuongptm@mpi.gov.vn)). (Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ KH&ĐT (để đăng tải Dự thảo);
- Vụ Pháp chế; GSTĐĐT; PHTTĐT; KTCNDV; KTNN; KHGDNTMT; LĐVHXH; Cục ĐTNN (để góp ý);
- Lưu: VT, QLĐT (Phuong 6)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Phương**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**THÔNG TƯ**

**Ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.**

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định mẫu hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư không qua mạng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 của Nghị định số..... ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

### **Điều 3. Lập hồ sơ mời quan tâm**

1. Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Hồ sơ mời quan tâm chỉ được nêu các nội dung nhằm mục đích duy nhất là lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm được áp dụng đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Đấu thầu và khoản 3 Điều 8 Nghị định số số..... ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó gồm:

a) Mẫu số ... áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số .... áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số .... áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ.

### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng, chỉnh sửa các mẫu hồ sơ**

1. Trong các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Thông tư này, những chữ in nghiêng là nội dung nhằm mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

2. Ngoài các tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Thông tư này, tiêu chí đánh giá khác được bổ sung trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án;

b) Không trái với quy định của pháp luật; không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

3. Trường hợp bổ sung tiêu chí đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu phải có thuyết minh chi tiết về các nội dung bổ sung và lý do đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu

### **Điều 3. Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu**

1. Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Hồ sơ mời quan tâm chỉ được nêu các nội dung nhằm mục đích duy nhất là lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm được áp dụng đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Đấu thầu và khoản 3 Điều 8 Nghị định số số..... ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ; hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, bên mời thầu chỉnh sửa Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định....

### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng, chỉnh sửa các mẫu hồ sơ**

1. Trong các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Thông tư này, những chữ in nghiêng là nội dung nhằm mục đích hướng dẫn, minh họa và được cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án.

2. Ngoài các tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại các Phụ lục I và II ban hành kèm theo Thông tư này, tiêu chí đánh giá khác được bổ sung trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với quy mô, tính chất, lĩnh vực và điều kiện riêng (nếu có) của từng dự án;

b) Không trái với quy định của pháp luật; không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

3. Trường hợp bổ sung tiêu chí đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu phải có thuyết minh chi tiết về các nội dung bổ sung và lý do đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu căn cứ vào phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc liên quan đến nội dung về thu chi phí theo quy định tại Thông tư này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSNDTC, Tòa án NDTC, Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Quản lý các KCN, KCX, KCNC và KKT;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT, Công TTĐT Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (MP. ).

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Chí Dũng**

## **PHỤ LỤC I**

### **MẪU THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM, HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM**

Phụ lục này bao gồm:

1. Mẫu Thông báo mời quan tâm dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực ;
2. Mẫu Hồ sơ mời quan tâm thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

**1. Mẫu Thông báo mời quan tâm dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực**

**THÔNG TIN CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ<sup>(1)</sup>**  
**DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI TỔ CHỨC ĐẤU THẦU THEO**  
**QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

**Kính gửi:** Các nhà đầu tư quan tâm

\_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời quan tâm*] mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt thông tin dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư*] với các thông tin như sau:

1. Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án: \_\_\_\_\_
2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án: \_\_\_\_\_
3. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): \_\_\_\_\_
4. Thời hạn, tiến độ đầu tư: \_\_\_\_\_
5. Địa điểm thực hiện dự án: \_\_\_\_\_
6. Diện tích khu đất: \_\_\_\_\_
7. Mục đích sử dụng đất: \_\_\_\_\_
8. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: \_\_\_\_\_

*[ghi thời điểm (ngày, giờ) cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt hồ sơ mời quan tâm thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực]*

9. Thông tin liên hệ:

- \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời quan tâm*]

- Địa chỉ: \_\_\_\_\_

- Số điện thoại: \_\_\_\_\_

<sup>(1)</sup> Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư được đăng tải sau 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ mời quan tâm được phê duyệt.

- Số fax: \_\_\_\_\_
- Các thông tin khác về dự án: \_\_\_\_\_

10. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

***Đại diện của Bên mời quan tâm***  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*



**2. Mẫu Hồ sơ mời quan tâm****HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM****Tên dự án:** \_\_\_\_\_

*[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư]*

**Phát hành ngày:** \_\_\_\_\_

*[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời quan tâm cho nhà đầu tư]*

**Ban hành kèm theo Quyết  
định:** \_\_\_\_\_

*[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời quan tâm]*

**Tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm  
(nếu có)**

*[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]*

**Bên mời quan tâm**

*[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]*

**MỤC LỤC**

<b>MÔ TẢ TÓM TẮT.....</b>	<b>5</b>
<b>TỪ NGỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM .....</b>	<b>7</b>
<b>CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>7</b>
<b>CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU .....</b>	<b>17</b>
<b>CHƯƠNG III_ĐÁNH GIÁ HSĐKTHDA.....</b>	<b>21</b>
<b>CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU.....</b>	<b>25</b>

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

#### Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, mở thầu, đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

#### Chương II. Bảng dữ liệu

Chương này quy định cụ thể nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng loại dự án cụ thể.

#### Chương III. Đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Chương này gồm quy định về phương pháp và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

#### Chương IV. Biểu mẫu dự quan tâm

Chương này gồm quy định về các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

### PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để xác định yêu cầu thực hiện dự án.

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
HSDKTHDA	Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
HSMQT	Hồ sơ mời quan tâm
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023
Nghị định số /2023/NĐ-CP	Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

## PHẦN 1. THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

### CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

<p><b>1. Nội dung mời Quan tâm</b></p>	<p>1.1. Bên mời quan tâm với tên và địa chỉ quy định tại <b>BDL</b> mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDKTHDA đối với dự án được mô tả tại Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án.</p> <p>1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>1.3. Thông tin cơ bản về dự án được nêu tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu</b></p>	<p>Hành vi bị cấm trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.</p>
<p><b>3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư</b></p>	<p>Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>3.1. Đối với nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;</p> <p>3.2. Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>3.4. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả mời quan tâm;</p> <p>3.5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 4 Nghị định số /2023/NĐ-CP, thông tin về các nhà thầu tư vấn theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;</p> <p>3.7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>

<p><b>4. Nội dung HSMQT</b></p>	<p>4.1. HSMQT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi HSMQT (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục mời quan tâm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu</li> <li>- Chương III. Đánh giá HSDKTHDA</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự quan tâm</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án</b></p> <p>4.2. Thông báo mời quan tâm do bên mời quan tâm phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMQT.</p> <p>4.3. Bên mời quan tâm không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có), các tài liệu sửa đổi HSMQT không do bên mời quan tâm cung cấp.</p> <p>4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSMQT để chuẩn bị HSDKTHDA.</p>
<p><b>5. Làm rõ HSMST, hội nghị tiền đấu thầu</b></p>	<p>5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>CDNĐT 12.4</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.</p> <p>Bên mời quan tâm làm rõ HSMQT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Văn bản và nội dung làm rõ HSMQT phải được đăng tải ngay trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Nội dung làm rõ HSMQT không được trái với nội dung của HSMQT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMQT dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì việc sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 6 CDNĐT.</p> <p>5.2. Trong trường hợp cần thiết, bên mời quan tâm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>. Mục đích của hội</p>

	<p>nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMQT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời quan tâm trả lời yêu cầu làm rõ HSMQT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời quan tâm trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được bên mời quan tâm ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của bên mời quan tâm nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMQT và đăng tải trên Hệ thống theo quy định tại Mục 5.1 CDNĐT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMQT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMQT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, bên mời quan tâm sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định tại Mục 6 CDNĐT.</p>
<p><b>6. Sửa đổi HSMQT</b></p>	<p>6.1. Việc sửa đổi HSMQT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc đăng tải văn bản sửa đổi HSMQT trên Hệ thống. Văn bản sửa đổi HSMQT, gồm quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời quan tâm; hồ sơ mời quan tâm đã được sửa đổi, được coi là một phần của HSMQT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMQT.</p> <p>6.2. Thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMQT theo quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMQT không đáp ứng theo quy định tại Mục này thì bên mời quan tâm phải thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 15.2 CDNĐT.</p>
<p><b>7. Chi phí dự quan tâm</b></p>	<p>Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDKTHDA. Trong mọi trường hợp, bên mời quan tâm không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc dự quan tâm của nhà đầu tư.</p>
<p><b>8. Ngôn ngữ của HSDKTHDA</b></p>	<p>HSDKTHDA cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời quan tâm được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>9. Thành phần của</b></p>	<p>HSDKTHDA phải gồm các thành phần sau đây:</p>

<b>HSDKTHDA</b>	<p>9.1. Đơn dự quan tâm theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;</p> <p>9.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự quan tâm theo quy định tại Mục Mục 10 CDNĐT;</p> <p>9.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;</p> <p>9.4. Biểu mẫu dự quan tâm;</p> <p>9.5. Nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>10. Văn bản đăng ký thực hiện dự án</b>	<p>10.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.</p> <p>Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm) phải được gửi cho bên mời quan tâm cùng với văn bản đăng ký thực hiện dự án.</p> <p>10.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, văn bản đăng ký thực hiện dự án phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 10.1 CDNĐT.</p>
<b>11. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng</b>	<p>11.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>



<p><b>lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư</b></p>	<p>11.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm:</p> <p>a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại <b>BDL</b> thì khi lập HSDKTHDA, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDKTHDA; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại <b>BDL</b> để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDKTHDA.</p> <p>b) Các tài liệu khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>12. Thông báo mời quan tâm, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMQT</b></p>	<p>12.1. Thông báo mời quan tâm</p> <p>a) Thông báo mời quan tâm được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo tiến độ thực hiện dự án và phù hợp với thời gian thực hiện dự án trong Thông tin dự án được phê duyệt.</p> <p>b) Đối với dự án thuộc trường hợp mời quan tâm quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định....., thông báo mời quan tâm phải được đăng tải với ngôn ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định ....., bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu quốc tế với ngôn ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên trang thông tin điện tử của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.</p> <p>c) Việc sửa đổi, hủy thông báo mời quan tâm chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu, trừ trường hợp không có nhà đầu tư nộp HSDKTHD theo quy định tại Mục 12 CDNĐT.</p> <p>12.2. Phát hành HSMQT</p> <p>a) HSMQT được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời quan tâm. Trong quá trình đăng tải thông báo mời quan tâm, bên mời quan tâm phải đính kèm các tài liệu sau đây: Quyết định phê duyệt HSMQT; HSMQT đã được phê duyệt.</p> <p>Bên mời quan tâm không được phát hành bản giấy HSMQT cho nhà đầu tư. Trường hợp bên mời quan tâm phát hành bản</p>

	<p>giấy cho nhà đầu tư thì bản giấy không có giá trị pháp lý để lập, đánh giá HSDKTHDA.</p> <p>b) Trường hợp nội dung của HSMQT được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có sự sai khác với nội dung của HSMQT được phê duyệt thì HSMQT phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là cơ sở để lập, đánh giá HSDKTHDA.</p> <p>12.3. Sửa đổi HSMQT</p> <p>Trường hợp sửa đổi HSMQT sau khi phát hành, bên mời quan tâm phải đăng tải các tài liệu sau đây trên Hệ thống, gồm: Quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi HSMQT; HSMQT đã được sửa đổi.</p> <p>12.4. Làm rõ HSMQT</p> <p>a) Trường hợp cần làm rõ HSMQT, nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>b) Văn bản làm rõ HSMQT được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>c) Nội dung làm rõ HSMQT không được trái với nội dung của HSMQT đã được phê duyệt. Trường hợp việc tiếp nhận nội dung yêu cầu làm rõ HSMQT dẫn đến phải sửa đổi HSMQT thì việc sửa đổi HSMQT thực hiện theo quy định tại Mục 12.1 CDNĐT.</p> <p>12.5. Trường hợp cần gia hạn thời gian nộp HSDKTHDA, bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông báo gia hạn bao gồm lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới.</p>
<p><b>13. Nộp, chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, sửa đổi, rút HSDKTHDA</b></p>	<p>13.1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp HSDKTHDA trên Hệ thống căn cứ nội dung yêu cầu của HSMQT. HSDKTHDA của nhà đầu tư bao gồm: Văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).</p> <p>13.2. Nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 15.1 CNNĐT</p>

<p><b>14. Sửa đổi, thay thế, rút HSDKTHDA</b></p>	<p>14.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDKTHDA trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA.</p> <p>14.2. Sau thời điểm hết hạn nộp HSDKTHDA, nhà đầu tư không được rút HSDKTHDA đã nộp.</p>
<p><b>15. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>15.1. Bên mời quan tâm tiếp nhận HSDKTHDA của tất cả nhà đầu tư nộp HSDKTHDA trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>15.2. Bên mời quan tâm có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMQT theo quy định tại Mục 6.1 CDNĐT.</p> <p>15.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời quan tâm và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. Bên mời quan tâm đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDKTHDA có thể nhận lại HSDKTHDA của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDKTHDA thì bên mời quan tâm quản lý HSDKTHDA đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.</p>
<p><b>16. HSDKTHDA nộp muộn</b></p>	<p>Bên mời quan tâm sẽ không xem xét bất kỳ HSDKTHDA nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDKTHDA nào mà bên mời quan tâm nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDKTHDA nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.</p>
<p><b>17. Mở thầu</b></p>	<p>17.1. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống sau khi hết hạn nộp HSDKTHDA.</p> <p>17.2. Ngoại trừ trường hợp HSDKTHDA nộp muộn theo quy định tại Mục 16 CDNĐT và HSDKTHDA mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 14.1 CDNĐT, bên mời quan tâm phải mở công khai của tất cả HSDKTHDA đã nhận được trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>17.3. Bên mời quan tâm tổ chức đánh giá HSDKTHDA của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ.</p>
<p><b>18. Làm rõ HSDKTHDA</b></p>	<p>18.1. Trường hợp trong quá trình đánh giá, nhà đầu tư phát hiện</p>

	<p>HSDKTHDA thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời quan tâm để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời quan tâm phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư trên Hệ thống.</p> <p>18.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời quan tâm phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDKTHDA theo yêu cầu của bên mời quan tâm. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện trên Hệ thống. Tài liệu làm rõ HSDKTHDA được bên mời quan tâm bảo quản như một phần của HSDKTHDA.</p> <p>18.3. Việc làm rõ, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện HSDKTHDA phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi tư cách và tên nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.</p> <p>21.4. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDKTHDA). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời quan tâm không nhận được văn bản làm rõ hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời quan tâm thì bên mời quan tâm sẽ đánh giá HSDKTHDA của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDKTHDA nộp trước thời điểm đóng thầu.</p>
<p><b>19. Đánh giá HSDKTHDA</b></p>	<p>19.1. Việc đánh giá HSDKTHDA thực hiện theo phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Đánh giá HSDKTHDA.</p> <p>19.2. Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của HSMQT, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 43 của Nghị định số /2023/NĐ-CP.</p>

	<p>b) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu của HSMQT hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSMQT, áp dụng thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</p> <p>c) Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.</p> <p>19.3. Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tên bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trong đó, hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được áp dụng như sau:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp HSDKTHDA hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có một nhà đầu tư nước ngoài trở lên nộp HSDKTHDA hoặc đáp ứng yêu cầu của HSMQT theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Đấu thầu.</p> <p>19.4. Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại Mục 19.2 CDNĐT, bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
<b>20. Công khai kết mời quan tâm</b>	<p>Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả mời quan tâm, bên mời quan tâm phải đăng tải kết quả mời quan tâm trên Hệ thống.</p>
<b>21. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư</b>	<p>21.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình mời quan tâm, kết quả mời quan tâm đến bên mời quan tâm, cơ quan có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 89, Điều 90 và Điều 92 Luật Đấu thầu.</p> <p>21.2. Cơ quan giải quyết kiến nghị đăng tải kết quả giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống.</p>
<b>22. Xử lý vi phạm trong đấu thầu</b>	<p>22.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành</p>

chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

22.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 22.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống.

22.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Điều 87 Luật Đấu thầu.

22.4. Công khai xử lý vi phạm:

a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan;

b) Quyết định xử lý vi phạm được cơ quan xử lý vi phạm đăng tải lên Hệ thống.

## CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

<b>CDNĐT 1.1</b>	<p>Tên và địa chỉ của bên mời quan tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bên mời quan tâm: ___ [ghi tên bên mời quan tâm]</li> <li>- Đại diện: ___ [ghi tên đầy đủ của người đại diện]</li> <li>- Số nhà/số tầng/số phòng: ___ [ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)]</li> <li>- Tên đường, phố: ___ [ghi tên đường phố]</li> <li>- Thành phố: ___ [ghi tên thành phố hoặc thị trấn]</li> <li>- Mã bưu điện: ___ [ghi mã bưu điện (nếu có)]</li> <li>- Số điện thoại: ___ [ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố]</li> <li>- Số fax: ___ [ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố]</li> <li>- Địa chỉ e-mail: ___ [ghi địa chỉ email (nếu có)]</li> </ul>
<b>CDNĐT 1.2</b>	<p>Yêu cầu về vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ [ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.</li> </ul> <p><i>Đối với dự án không sử dụng đất vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 15%- 50% tổng mức đầu tư thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét</i></p>
<b>CDNĐT 1.3</b>	<p>Thông tin cơ bản của dự án gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có): _____</li> <li>- Tên dự án: _____</li> <li>- Mục tiêu: _____</li> <li>- Vốn đầu tư: _____</li> <li>- Địa điểm thực hiện: _____</li> <li>- Quy mô đầu tư: _____</li> <li>- Sơ bộ tiến độ thực hiện: _____</li> <li>- Hiện trạng khu đất, diện tích khu đất thực hiện dự án: _____</li> <li>- Mục đích sử dụng đất: _____</li> <li>- Các chỉ tiêu quy hoạch: _____</li> <li>- Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: _____</li> <li>- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có): _____</li> <li>- Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____</li> </ul>

<b>CDNĐT 3.5</b>	<p>- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn lập đề xuất dự án (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi tổ chức mời quan tâm (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn lập HSMQT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn thẩm định HSMQT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn lập HSMT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn đánh giá HSDT (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p> <p>- Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): ___ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</p>
<b>CDNĐT 5.2</b>	<p>Hội nghị tiền đấu thầu: ___ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] được tổ chức. [Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]</p>
<b>CDNĐT 6.2</b>	<p>Thời hạn đăng tải văn bản sửa đổi HSMQT tối thiểu ___ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDKTHDA].</p>
<b>CDNĐT 8</b>	<p>[Căn cứ hình thức đấu thầu, ghi rõ ngôn ngữ của HSDKTHDA: - Đối với đấu thầu quốc tế: HSDKTHDA cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng: ___ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDKTHDA căn cứ vào nội dung của bản HSMQT bằng tiếng Anh”]. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: ___ [Trường hợp HSMQT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMQT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDKTHDA”].</p>



	<p>Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.</p> <p>- Đối với đấu thầu trong nước:</p> <p>HSDKTHDA cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDKTHDA trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.</p> <p>Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDKTHDA có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.</p> <p>Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.</p>
<b>CDNĐT 9.5</b>	<p>Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDKTHDA các tài liệu sau đây: _____ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDKTHDA ngoài các nội dung quy định tại các Mục 9.1, 9.2, 9.3, 9.4 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế tham gia nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].</p>
<b>CDNĐT 11.1</b>	<p>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:</p> <p>a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:</p> <p>Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.</p> <p>b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 04 tại Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm.</li> </ul>
<b>CDNĐT 11.2</b>	<p>a) Đồng tiền dùng để đánh giá: _____ [ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước thì là VND. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì có thể quy định là VND hoặc USD hoặc EUR...]</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng tiền trung gian là: _____ [ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về đồng tiền dùng để đánh giá].</li> <li>- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: _____ [ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi].</li> </ul>

	<p>- Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: _____ [ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)].</p> <p>b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDKTHDA các tài liệu sau đây: _____ [ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDKTHDA ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”].</p>
<b>CDNĐT 12.4</b>	<p>a) Thời gian tối thiểu để nhà đầu tư gửi đề nghị làm rõ đến bên mời quan tâm thông qua Hệ thống là _____ ngày trước thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. [ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDKTHDA ]</p> <p>b) Văn bản làm rõ HSMQT được đăng tải trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu _____ [ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDKTHDA ]</p>
<b>CDNĐT 15.1</b>	<p>- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __</p> <p>[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMQT đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là _____ ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDKTHDA].</p>
<b>CDNĐT 21.1</b>	<p>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:</p> <p>a) Địa chỉ của bên mời quan tâm: _____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời quan tâm].</p> <p>b) Địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền: _____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền].</p> <p>c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ [ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].</p>

## CHƯƠNG III

### ĐÁNH GIÁ HSDKTHDA

#### Mục 1. Phương pháp đánh giá

1.1. Sử dụng phương pháp đạt, không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu HSMQT về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

#### 1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

#### Mục 2. Yêu cầu

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

**Bảng số 01**

#### YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu	<p>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp<sup>(1)</sup>: _____ [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư.</p> <p>[Đối với dự án đầu tư kinh doanh có sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15%, tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.</p> <p>Đối với dự án đầu tư kinh doanh không sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 15 - ...% tổng mức đầu tư thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét ]</p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự <sup>(2)</sup>	<p>Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: _____ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu để được đánh giá là đạt]. Cách xác định dự án như sau <sup>(3)</sup>:</p> <p>a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổng mức đầu tư tối thiểu là <sup>(4)</sup> _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư của dự án đang xét]</li> <li>- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là <sup>(5)</sup> _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].</li> </ul> <p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét _____ [quy định cụ thể tính chất tương tự];</li> <li>- Có giá trị tối thiểu là <sup>(6)</sup> _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</li> </ul>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] của đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp với giá trị tối thiểu bằng _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</p> <p>- Đối với dự án kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó : Được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ phù hợp với nội dung đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cấp _____ năm</p> <p>*Đối với ngành, lĩnh vực mới, khó có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm.</p> <p>(Đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến về nội dung này)</p>

#### Ghi chú:

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập đề xuất dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự quan tâm.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời quan tâm căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.

(iii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(3) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: \_\_\_\_\_ [quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ].

(4) (5) (6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

## CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

**THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN**

(Địa điểm)\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_

**I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh<sup>(1)</sup>**

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
  - Tên:
  - Địa chỉ:
  - Số điện thoại/fax:
  - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

**II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện**

TT	Tên đối tác <sup>(2)</sup>	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia <sup>(3)</sup>	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác <sup>(4)</sup>
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
	.....				

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.



- (2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.
- (3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.
- (4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ<sup>(1)</sup>****1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh<sup>(2)</sup>:**a) Tóm tắt các số liệu về tài chính<sup>(3)</sup>:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện <sup>(4)</sup> (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm<sup>(5)</sup>

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc

thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Đề xuất dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

### **Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ yêu cầu, tính chất dự án, bên mời quan tâm có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

**KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ <sup>(1)</sup>**

(Địa điểm), ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời quan tâm]*1. Dự án số 01: \_\_\_\_ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu: _____
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án <sup>(2)</sup> : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư):
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):

	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện <sup>(3)</sup> :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: \_\_\_ [ghi tên dự án]

...

### **Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Bên mời quan tâm có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với Yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu), xác nhận công trình, dự án đủ điều kiện kinh doanh...

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh:** \_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án \_\_\_ [*ghi tên dự án*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: \_\_\_ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho \_\_\_ [*ghi tên một thành viên*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá

trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực .

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh <sup>(1)</sup> [ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia <i>[Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]</i>	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 <i>[Đứng đầu liên danh]</i>			<i>[tối thiểu 30%]</i>
2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>
3	Thành viên 3			<i>[tối thiểu 15%]</i>
.....				
<b>Tổng</b>			....	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
  - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời quan tâm chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
  - Liên danh không đáp ứng Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
  - Chấm dứt việc công bố danh mục dự án;

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ \_\_\_ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

#### **Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh <sup>(2)</sup>**

*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)<sup>(3)</sup>*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.



## PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Bên mời quan tâm căn cứ nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có); văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh để xác định yêu cầu thực hiện dự án (trường hợp cần thiết, phát hành kèm theo HSMQT các tài liệu này). Yêu cầu thực hiện dự án gồm:

- Tên dự án;
- Tên cơ quan có thẩm quyền;
- Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư;
- Tên bên mời thầu;
- Mục tiêu của dự án;
- Quy mô, công suất của dự án;
- Địa điểm thực hiện dự án;
- Nhu cầu sử dụng đất, mặt đất và tài nguyên khác (nếu có);
- Phương án bồi thường tái định cư (nếu có);
- Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất;
- Tổng mức đầu tư;
- Loại hợp đồng dự án;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;
- Các nội dung liên quan khác.

**Phụ lục II**

**MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU  
MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ**

## HỒ SƠ MỜI THẦU

**Tên dự án:** \_\_\_\_\_

*[ghi tên dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)]*

**Phát hành ngày:** \_\_\_\_\_

*[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]*

**Ban hành kèm theo Quyết định:** \_\_\_\_\_

*[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]*

**Tư vấn lập hồ sơ mời thầu**

**(nếu có)**

*[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]*

**Bên mời thầu**

*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

**MỤC LỤC**

<b>MÔ TẢ TÓM TẮT.....</b>	<b>4</b>
<b>TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>6</b>
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư.....	6
Chương II. Bảng dữ liệu .....	29
Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu .....	39
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.....	57
<b>PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN .....</b>	<b>85</b>
<b>PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....</b>	<b>87</b>

## **MÔ TẢ TÓM TẮT**

### **PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin gồm quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

#### **Chương III. Đánh giá hồ sơ dự thầu**

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

#### **Chương IV. Biểu mẫu dự thầu**

Chương này gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

### **PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Phần này cung cấp các thông tin của dự án và các trách nhiệm của nhà đầu tư được lựa chọn trong quá trình thực hiện dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu.

### **PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Phần này gồm các nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất về tài chính
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023
Nghị định số	Nghị định số .....ngày ..... của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

**PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ**  
**CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ**

<b>1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư</b>	<p>1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại <b>BDL</b> mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDT đối với dự án được mô tả trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án.</p> <p>1.2. Sơ bộ tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu</b>	<p>Hành vi bị cấm trong đấu thầu gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.</p>
<b>3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư</b>	<p>Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.</p> <p>3.2. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.4. Hạch toán tài chính độc lập; bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 4 Nghị định số ..... Thông tin về các nhà thầu tư vấn theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>3.5. Đăng ký trên Hệ thống theo quy định.</p> <p>3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>3.7. Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<b>4. Nội dung HSMT</b>	<p>4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu</li> </ul>

	<p>- Chương III. Đánh giá HSĐT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu</p> <p><b>Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án</b></p> <p><b>Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng</b></p> <p>4.2. Thông báo mời thầu do bên mời thầu đăng tải chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT.</p> <p>4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT không do bên mời thầu cung cấp.</p> <p>4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị HSĐT.</p>
<p><b>5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu</b></p>	<p>5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu trên Hệ thống tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 15 ngày (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trường hợp văn bản đề nghị làm rõ được gửi thông qua Hệ thống, nhà đầu tư cần ghi rõ tiêu đề “ĐỀ NGHỊ LÀM RÕ HSMT”.</p> <p>Bên mời thầu làm rõ HSMT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSMT phải được đăng tải trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.</p> <p>5.2. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>Nội dung hội nghị tiền đấu thầu sẽ được bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ nội dung các câu hỏi của</p>



	<p>nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMT và đăng tải trên Hệ thống. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư.</p> <p>Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã được đăng tải trên Hệ thống. Trường hợp việc làm rõ sau hội nghị tiền đấu thầu dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.</p>
<p><b>6. Khảo sát hiện trường</b></p>	<p>6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.</p>
<p><b>7. Sửa đổi HSMT</b></p>	<p>7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc đăng tải văn bản sửa đổi trên Hệ thống. Văn bản sửa đổi HSMT gồm quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMT. Nhà đầu tư có trách nhiệm thường xuyên truy cập vào Hệ thống để cập nhật các thông tin về HSMT.</p> <p>7.2. Thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMT theo quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp thời gian đăng tải văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định nêu trên thì bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian tại Mục này. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến</p>

	việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
<b>9. Ngôn ngữ của HSDT</b>	HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> .
<b>10. Thành phần của HSDT</b>	<p>10.1. HSDT gồm HSDXKT và HSDXTC, trong đó:</p> <p>a) HSDXKT phải gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về phương án đầu tư kinh doanh. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;</li> <li>- Thỏa thuận liên danh theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV;</li> <li>- Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV;</li> <li>- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;</li> <li>- Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT;</li> <li>- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT;</li> <li>- Đề xuất về kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT.</li> </ul> <p>b) HSDXTC phải gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn dự thầu đề xuất về tài chính theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;</li> <li>- Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT.</li> </ul> <p>10.2. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT.</p> <p>10.3. Các nội dung khác nêu tại <b>BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự thầu</b>	<p>11.1. Đơn dự thầu gồm đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu đề xuất về tài chính.</p> <p>11.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền.</p> <p>Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; trường hợp tại điều</p>

	<p>lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV) phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu.</p> <p>11.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.</p>
<p><b>12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư</b></p>	<p>12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư gồm:</p> <p>a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp đồng tiền nêu trong các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm không phải đồng tiền theo quy định tại <b>BDL</b> thì khi lập HSDT, nhà đầu tư phải quy đổi về đồng tiền tương ứng theo quy định tại Mục này để làm cơ sở đánh giá HSDT; trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này thì nhà đầu tư sử dụng đồng tiền trung gian theo quy định tại <b>BDL</b> để làm cơ sở quy đổi và kê khai trong HSDT.</p> <p>b) Các tài liệu khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>13. Thành phần đề xuất về kỹ thuật</b></p>	<p>Trong HSDXKT, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về kỹ thuật gồm các nội dung theo quy định tại <b>BDL</b> và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.</p>
<p><b>14. Đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án</b></p>	<p>14.1. Nhà đầu tư được đề xuất thay thế phương án thực hiện dự án.</p> <p>14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để bên mời thầu có thể đánh giá phương án thực hiện dự án.</p>
<p><b>15. Thành phần đề xuất về tài chính</b></p>	<p>15.1. Trong HSDXTC, nhà đầu tư phải nộp một đề xuất về tài chính gồm các nội dung theo quy định tại <b>BDL</b> và bất kỳ</p>

	<p>thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.</p> <p>15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án tài chính và giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc tỷ lệ chia sẻ doanh thu hoặc giá, phí dịch vụ công hoặc số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án mà nhà đầu tư đã đề xuất</p>
<b>16. Đồng tiền dự thầu</b>	Đồng tiền dự thầu theo quy định tại <b>BDL</b> .
<b>17. Bảo đảm dự thầu</b>	<p>17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu theo quy định tại Mục 17.2 CDNĐT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.</p> <p>17.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời</p>

	<p>gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước thời điểm ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.</p> <p>17.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nhà đầu tư rút HSDT (HSDXKT, HSDXTC) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;</li> <li>b) Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 35.1 CDNĐT;</li> <li>c) Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT;</li> <li>d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> </ul>
<p><b>18. Thời gian có hiệu lực của HSDT</b></p>	<p>18.1. HSDT gồm HSDXKT và HSDXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại <b>BDL</b>. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSDXKT và HSDXTC), đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>

	Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.
<p><b>19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT</b></p>	<p>19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT gồm: 01 bản gốc HSDXKT, 01 bản gốc HSDXTC và một số bản chụp HSDXKT, HSDXTC theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDXKT, HSDXTC thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDXKT, HSDXTC. Trường hợp có phương án thực hiện dự án thay thế theo quy định tại Mục 14 CDNĐT thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại.</p> <p>19.3. Bản gốc của HSDXKT, HSDXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có).</p> <p>19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 19.3 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).</p> <p>19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p>
<p><b>20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</b></p>	<p>20.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “<b>BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT</b>”, “<b>BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ</b></p>

THUẬT”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH”.

Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì hồ sơ sửa đổi, thay thế phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT THAY THẾ”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH THAY THẾ”; đồng thời đánh dấu rõ các bản gốc, bản chụp tương ứng.

Các túi đựng: HSĐXKT, HSĐXTC, HSĐXKT sửa đổi, HSĐXTC sửa đổi, HSĐXKT thay thế, HSĐXTC thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư.

20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin:

- a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;
- b) Tên người nhận là tên bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT;
- c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.6 CDNĐT;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSĐXKT” đối với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXKT sửa đổi, HSĐXKT thay thế (nếu có); “không được mở trước thời điểm mở HSĐXTC” đối với túi đựng HSĐXTC và túi đựng HSĐXTC sửa đổi, HSĐXTC thay thế (nếu có).

20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát.

20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 20.1 và 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.

<p><b>21. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu và quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại <b>BDL</b> trước khi HSDT được tiếp nhận.</p> <p>21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu trong trường hợp sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.2 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống, trong đó nêu rõ lý do gia hạn, thời điểm đóng thầu.</p> <p>Nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.</p>
<p><b>22. HSDT nộp muộn</b></p>	<p>Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.</p>
<p><b>23. Sửa đổi, thay thế, rút HSDT</b></p>	<p>23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế, rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên mời thầu. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của</p>



	<p>người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT.</p> <p>23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT;</p> <p>b) Được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT.</p> <p>23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải bảo đảm được bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.</p>
<p><b>24. Bảo mật</b></p>	<p>24.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT.</p> <p>24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p>
<p><b>25. Làm rõ HSDT</b></p>	<p>24.1. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ dự thầu thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình. Trong thời hạn theo quy định tại <b>BDL</b>, bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ, bổ sung của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá.</p>

	<p>Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Các tài liệu này được coi là một phần của HSDT.</p> <p>24.2. Sau khi mở thầu, trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ đối với các nội dung đề xuất về mặt kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT, theo yêu cầu của bên mời thầu. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDT). Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>24.3. Việc làm rõ đối với các nội dung về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của của nhà đầu tư tham dự thầu. Việc làm rõ đối với các nội dung đề xuất về mặt kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp.</p> <p>24.4. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Tài liệu làm rõ HSDT được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.</p>
<p><b>26. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p>

<b>sót nội dung</b>	<p>26.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>26.2. “Đặt điều kiện” là việc nhà đầu tư đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>26.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<b>27. Xác định tính đáp ứng của HSDT</b>	<p>27.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT.</p> <p>27.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ:</p> <p>a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng;</p> <p>b) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>27.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về mặt kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNĐT và việc kiểm tra đề xuất về kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>27.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.</p>

<p><b>28. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>28.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>28.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại.</p> <p>28.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất về tài chính của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất về tài chính của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 32.2 CDNĐT.</p>
<p><b>29. Mở HSDXKT</b></p>	<p>29.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, bên mời thầu phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 29.2 CDNĐT của tất cả HSDXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSDXKT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>29.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Kiểm tra niêm phong;</li> <li>b) Mở bản gốc HSDXKT, HSDXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDXKT thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau:</li> </ol>

tên nhà đầu tư, số lượng bản gốc, bản chụp HSDXKT, thời gian có hiệu lực của HSDXKT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSDXKT, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có), bảo đảm dự thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT.

#### 29.3. Đối với trường hợp rút HSDT:

Bên mời thầu sẽ mở và đọc rõ các thông tin trong văn bản đề nghị rút HSDT. HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT (gồm HSDXKT và HSDXTC) sẽ trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu.

#### 29.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDXKT

Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDXKT, HSDXKT sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDXKT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDXKT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

#### 29.5. Đối với trường hợp thay thế HSDXKT

Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDXKT, HSDXKT thay thế. HSDXKT ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDXKT nếu văn bản đề nghị thay thế HSDXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

29.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó gồm thông tin quy định tại các Mục 29.2, 29.3, 29.4 và 29.5

	<p>CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu.</p> <p>29.7. HSDXTC của tất cả nhà đầu tư phải được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXKT ký niêm phong.</p>
<p><b>30. Đánh giá HSDXKT</b></p>	<p>30.1. Đánh giá HSDXKT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại <b>BDL</b> và Chương III - Đánh giá HSDT.</p> <p>30.2. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (gồm tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư) đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu, trong đó mời các nhà đầu tư tham dự thầu đến mở HSDXTC, kèm theo thời gian, địa điểm mở HSDXTC.</p>
<p><b>31. Mở HSDXTC</b></p>	<p>31.1. Việc mở HSDXTC được tiến hành công khai theo thời gian và tại địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXTC và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chỉ có các HSDXTC được mở và đọc tại buổi mở HSDXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>31.2. Tại lễ mở HSDXTC, bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>31.3. Việc mở HSDXTC được thực hiện đối với từng HSDXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kiểm tra niêm phong;</li> <li>b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC; đơn dự thầu thuộc HSDXTC; thời gian có hiệu lực của HSDXTC.</li> </ul>

	<p>31.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDXTC Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDXTC, HSDXTC sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDXTC ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDXTC nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>31.5. Đối với trường hợp thay thế HSDXTC Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDXTC, HSDXTC thay thế. HSDXTC ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDXTC nếu văn bản đề nghị thay thế HSDXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.</p> <p>31.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSDXTC trong đó gồm các thông tin quy định tại các Mục 31.2, 31.3, 31.4 và 31.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDXTC sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDXTC sẽ được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.</p>
<p><b>32. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch</b></p>	<p>32.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>32.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b> trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải bảo đảm nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 27.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p> <p>32.3. Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, bên mời thầu phải thông</p>

	<p>báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch và việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch nội dung đó. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây:</p> <p>a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại;</p> <p>b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.</p>
<b>33. Đánh giá HSDXTC và xếp hạng nhà đầu tư</b>	<p>33.1. Đánh giá HSDXTC theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Đánh giá HSDT.</p> <p>33.2. Sau khi đánh giá HSDXTC, bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà đầu tư.</p>
<b>34. Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu</b>	<p>Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>34.1. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ;</p> <p>34.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm;</p> <p>34.3. Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh;</p> <p>34.5. Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương;</p> <p>34.6. Có điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương cao nhất.</p>
<b>35. Hủy thầu</b>	<p>35.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư kinh doanh vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT đã phát hành;</p>



	<p>c) HSMT có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) Nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>35.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c, d và điểm đ Mục 35.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan.</p> <p>35.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 35.1 CDNĐT, trong thời hạn 20 ngày, bên mời thầu phải hoàn trả bảo đảm dự thầu cho các nhà đầu tư dự thầu, trừ trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định tại điểm d Mục 35.1 CDNĐT.</p>
<p><b>36. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư</b></p>	<p>36.1. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống và gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư tới các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt. Văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên dự án;</p> <p>b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; doanh nghiệp do nhà đầu tư trúng thầu dự kiến thành lập (nếu có);</p> <p>c) Một hoặc các thông tin về: Giá trị bằng tiền mà nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ mà nhà đầu tư chia sẻ doanh thu cho Nhà nước; giá dịch vụ mà Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư; số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án hoặc tạo phúc lợi xã hội nói chung cho địa phương; các giá trị khác về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;</p>

	<p>g) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;</p> <p>h) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn;</p> <p>i) Các nội dung khác (nếu có).</p> <p>36.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 35.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.</p> <p>36.3. Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng theo quy định tại các Mục 37, 38 và 39 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm c và d Mục 17.5 CDNĐT.</p>
<p><b>37. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng</b></p>	<p>37.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Nhà đầu tư trúng thầu được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm d Mục 17.5 CDNĐT.</p> <p>37.2. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:</p> <p>a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p>

	<p>b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án;</p> <p>c) Ngoài những nội dung quy định tại điểm a và b Mục này, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền quyết định các nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng cần thiết khác phù hợp với loại hợp đồng của dự án.</p> <p>37.3. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong hồ sơ dự thầu đã được bên mời thầu đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.</p> <p>37.4. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu.</p>
<p><b>38. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>38.1. Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực;</p> <p>38.2. Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>38.3. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.</p>
<p><b>39. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>39.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>39.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>39.3. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện</p>

	<p>hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<p><b>40. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư</b></p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến bên mời thầu, người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 89, Điều 90, Điều 92, Điều 93 Luật Đấu thầu</p>
<p><b>41. Xử lý vi phạm trong đấu thầu</b></p>	<p>41.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.</p> <p>41.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 41.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống.</p> <p>41.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Đấu thầu.</p> <p>41.4. Công khai xử lý vi phạm:</p> <p>a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp;</p>

	b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo Đấu thầu, Hệ thống không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.
<b>42. Triển khai thực hiện hợp đồng</b>	Sau khi ký kết hợp đồng, Nhà đầu tư trúng thầu, doanh nghiệp do nhà đầu tư thành lập tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại hợp đồng, pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quy hoạch, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan.

## CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

<b>CDNĐT 1.1</b>	<p>Tên và địa chỉ của bên mời thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên bên mời thầu: ___ [<i>ghi tên bên mời thầu</i>]</li> <li>- Đại diện: ___ [<i>ghi tên đầy đủ của người đại diện</i>]</li> <li>- Số nhà/số tầng/số phòng: ___ [<i>ghi số nhà, số tầng, số phòng (nếu có)</i>]</li> <li>- Tên đường, phố: ___ [<i>ghi tên đường phố</i>]</li> <li>- Thành phố: ___ [<i>ghi tên thành phố hoặc thị trấn</i>]</li> <li>- Mã bưu điện: ___ [<i>ghi mã bưu điện (nếu có)</i>]</li> <li>- Số điện thoại: ___ [<i>ghi số điện thoại, gồm mã nước và mã thành phố</i>]</li> <li>- Số fax: ___ [<i>ghi số fax, gồm mã nước và mã thành phố</i>]</li> <li>- Địa chỉ e-mail: ___ [<i>ghi địa chỉ email (nếu có)</i>]</li> </ul>
<b>CDNĐT 1.2</b>	<p>- Tổng vốn đầu tư ___ [<i>ghi tổng vốn đầu tư, vốn đầu tư thực hiện dự án do bên mời thầu xác định theo quy định liên quan của pháp luật về đầu tư, xây dựng đối với từng dự án cụ thể</i>]</p>
<b>CDNĐT 1.3</b>	<p>Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ [<i>ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ. Đối với dự án đầu tư kinh doanh có sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15%, tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.</i>]</li> <li><i>Đối với dự án đầu tư kinh doanh không sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 15% tổng mức đầu tư thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét ]</i></li> <li>- Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: ___ [<i>ghi giá trị bằng số và bằng chữ</i>]</li> </ul>
<b>CDNĐT 1.4</b>	<p>Thông tin cơ bản của dự án gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên dự án: _____</li> <li>- Mục tiêu: _____</li> <li>- Vốn đầu tư: _____</li> <li>- Địa điểm thực hiện: _____</li> <li>- Quy mô đầu tư: _____</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ bộ tiến độ thực hiện: _____</li> <li>- Hiện trạng khu đất, diện tích khu đất thực hiện dự án (nếu có): _____</li> <li>- Mục đích sử dụng đất: _____</li> <li>- Các chỉ tiêu quy hoạch: _____</li> <li>- Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: _____</li> <li>- Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có): _____</li> <li>- Tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có): _____</li> </ul>
<b>CDNĐT 3.4</b>	<p>Kể từ ngày phát hành HSMT, nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có) đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn lập đề xuất dự án (nếu có) đối với dự án đầu tư kinh doanh không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư: ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP (nếu có): ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn lập HSMT (nếu có): _____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn thẩm định HSMT (nếu có): _____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn đánh giá HSMT (nếu có): _____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> <li>- Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): ____ <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]</i></li> </ul>
<b>CDNĐT 3.7</b>	<p>Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo các căn cứ sau đây:</p> <p>_____ <i>[ghi các căn cứ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, ví dụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kết quả xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đối với các dự án tại địa phương được đăng tải trên cổng thông tin của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường;</i></li> </ul>

	- Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai về kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án nhà đầu tư đã hoặc đang thực hiện].
<b>CDNĐT 5.2</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: _____ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] được tổ chức. [Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm tổ chức hội nghị]
<b>CDNĐT 6.1</b>	Bên mời thầu: _____ [ghi “sẽ” hoặc “sẽ không”] tổ chức khảo sát hiện trường. [Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm].
<b>CDNĐT 7.2</b>	Thời hạn đăng tải văn bản sửa đổi HSMT tối thiểu _____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày cụ thể, bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSĐT và tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 25 ngày đối với đấu thầu quốc tế].
<b>CDNĐT 9</b>	[Căn cứ hình thức đấu thầu, ghi rõ ngôn ngữ của HSĐT: - Đối với đấu thầu quốc tế: HSĐT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng: _____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSĐT căn cứ vào nội dung của bản HSMT bằng tiếng Anh”. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang: _____ [Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi “Tiếng Anh”; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi “Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSĐT”]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung. - Đối với đấu thầu trong nước: HSĐT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐT trao đổi giữa nhà đầu tư với bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.



<b>CDNĐT 10.3</b>	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ___ [ <i>ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại các Mục 10.1, 10.2, 10.3 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”</i> ].
<b>CDNĐT 12.1</b>	<p>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư:</p> <p>a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:          Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.</p> <p>b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:          - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh;          - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.</p>
<b>CDNĐT 12.2</b>	<p>a) Đồng tiền dùng để đánh giá: ___ [<i>ghi cụ thể 01 loại đồng tiền. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước thì là VND. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế thì có thể quy định là VND hoặc USD hoặc EUR...</i>]</p> <p>- Đồng tiền trung gian là: ___ [<i>ghi đồng tiền trung gian dùng để quy đổi về đồng tiền dùng để đánh giá</i>].</p> <p>- Thời điểm xác định tỷ giá quy đổi là: ___ [<i>ghi thời điểm xác định tỷ giá quy đổi</i>].</p> <p>- Căn cứ xác định tỷ giá quy đổi: ___ [<i>ghi cách tính tỷ giá chéo (tỷ giá mua vào, bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam)</i>].</p> <p>b) Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: ___ [<i>ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại điểm a Mục này trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không áp dụng”</i>].</p>

	<i>dụng”].</i>
<b>CDNĐT 13</b>	<p>Thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư gồm:  <i>[Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực cụ thể của dự án, bên mời thầu quy định nội dung thành phần đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư, trong đó có thể gồm:</i></p> <p><i>a) Phương án đầu tư xây dựng công trình dự án của nhà đầu tư (gồm phạm vi, quy mô đầu tư) với quy hoạch, kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;</i></p> <p><i>b) Phương án thiết kế kiến trúc do nhà đầu tư đề xuất</i></p> <p><i>c) Phương án tổ chức vận hành, kinh doanh gồm đề xuất về: Thời gian tiến độ xây dựng công trình, phương án phân kỳ đầu tư; Ứng dụng giải pháp công nghệ, chuyển giao công nghệ.</i></p> <p><i>d) Phương án về hiệu quả cho xã hội của dự án, gồm đề xuất về: Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương; mức giá, phí cho đơn vị kinh doanh thứ cấp; Chăm sóc sức khỏe nhân dân.</i></p> <p><i>đ) Phương án bảo vệ môi trường, gồm các đề xuất: giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường; sử dụng sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng; tỷ lệ sử dụng đất nhằm bảo tồn, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái thiên nhiên</i></p>
<b>CDNĐT 15.1</b>	<p>Thành phần đề xuất về tài chính của nhà đầu tư gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><i>[- Đề xuất nộp ngân sách nhà nước</i></li> <li><i>- Tỷ lệ chia sẻ doanh thu</i></li> <li><i>- Giá dịch vụ công</i></li> <li><i>- Số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án _____</i></li> <li><i>- Giá trị phúc lợi xã hội mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương nơi thực hiện dự án.]</i></li> </ul>
<b>CDNĐT 16</b>	<p><i>- Đồng tiền dự thầu là: _____</i></p> <p><i>[Căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được</i></p>

	<p><i>chào bằng VND, các chi phí nước ngoài liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài].</i></p> <p><i>Trường hợp quy định hai hoặc ba đồng tiền thì bổ sung các nội dung sau:</i></p> <p>- Đồng tiền được sử dụng để quy đổi tất cả các giá trị từ nhiều loại tiền khác nhau thành một loại tiền duy nhất (đồng tiền quy đổi) nhằm phục vụ việc đánh giá và so sánh HSDT là: ___ [ghi tên đồng tiền, trường hợp trong số đồng tiền có VND thì phải quy đổi theo VND] theo tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại ___ [ghi tên ngân hàng thương mại có uy tín và căn cứ vào tỷ giá do ngân hàng đó công bố để quy đổi] công bố vào ngày ___ [ghi cụ thể ngày, tháng, năm].</p> <p>- Đồng tiền trung gian: _____ [ghi tên đồng tiền trung gian để quy đổi từ các loại đồng tiền về đồng tiền quy đổi trong trường hợp không có tỷ giá trực tiếp giữa các loại đồng tiền này và đồng tiền quy đổi. Trong trường hợp này, cần quy định thêm về công thức xác định tỷ giá quy đổi thông qua đồng tiền trung gian (tỷ giá bán ra, mua vào, tại thời điểm...)]</p>
<b>CDNĐT 17.1</b>	<p>- Hình thức bảo đảm dự thầu: ___ [ghi một trong các hình thức: Đặt cọc; Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: “Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.”]</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu là ___ [ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 1-3% tổng vốn đầu tư của dự án].</p> <p>- Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là ___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [ghi số ngày bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày]</p>

<b>CDNĐT 17.4</b>	<p>Bên mời thầu sẽ hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời gian ___ ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt [ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 20 ngày].</p> <p>Trường hợp nhà đầu tư từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu khi bên mời thầu yêu cầu do gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT thì bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà đầu tư trong thời hạn ___ ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn [ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 20 ngày].</p>
<b>CDNĐT 18.1</b>	<p>Thời gian có hiệu lực của HSDT là ___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [ghi cụ thể số ngày phù hợp, bảo đảm tiến độ thực hiện các công việc theo Bảng theo dõi tiến độ trong lựa chọn nhà đầu tư đã phê duyệt].</p>
<b>CDNĐT 19.1</b>	<p>- Số lượng bản chụp HSDXKT là: ___ [ghi số lượng bản chụp cần thiết].</p> <p>- Số lượng bản chụp HSDXTC là: ___ [ghi số lượng bản chụp cần thiết].</p>
<b>CDNĐT 21.1</b>	<p>- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __ [ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMT đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 45 ngày đối với đấu thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDT].</p> <p>- HSMT có mức giá bán là: ___ [ghi mức giá bán bộ HSMT, bảo đảm không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đối với đấu thầu quốc tế]</p>
<b>CDNĐT 25.1</b>	<p>Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm: _____ [căn cứ tiến độ của dự án, thời gian đánh giá, bên mời thầu quy định thời gian nhà đầu tư được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp] ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
<b>CDNĐT 29.1</b>	<p>Thời điểm mở HSDXKT là: __ giờ __ phút, ngày __ tháng __ năm __ [ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu trong vòng 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu] tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:</p> <p>- Số nhà/số tầng/số phòng: _____</p> <p>- Tên đường, phố: _____</p>

	- Thành phố: _____
<b>CDNĐT 30.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá HSDT là:</p> <p><i>[Bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất của dự án áp dụng phương pháp đánh giá lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước để đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất, bao gồm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.</i></p> <p>a) Hồ sơ dự thầu được đánh giá theo thang điểm 100 hoặc 1.000, trong đó điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm năng lực, kinh nghiệm chiếm tỷ trọng từ 20% đến 30% thang điểm tổng;</li> <li>- Điểm phương án đầu tư kinh doanh chiếm tỷ trọng từ 20% đến 40% thang điểm tổng;</li> <li>- Điểm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương chiếm tỷ trọng từ 40% đến 50% thang điểm tổng.</li> </ul> <p>b) Nhà đầu tư phải đáp ứng điểm tối thiểu và tối đa sau đây để được đánh giá, xếp hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm tối thiểu của tiêu chuẩn chi tiết không thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó.</li> <li>- Điểm tối thiểu của từng tiêu chí không thấp hơn 50% điểm tối đa của tiêu chí đó.</li> <li>- Điểm tổng hợp tối thiểu không được thấp hơn 70% thang điểm tổng.</li> </ul> <p>Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại điểm a và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</p>
<b>CDNĐT 32.1</b>	<p>Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dịch vụ hoặc giá trị phần nộp ngân sách và các tiêu chí tài chính khác.</p> <p>b) Lỗi nhầm đơn vị:</p>

	<p>- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.</p> <p>c) Các lỗi khác:</p> <p>- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;</p> <p>- Nếu có sự khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.</p>
<b>CDNĐT 32.2</b>	<p><i>Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của dự án, bên mời thầu xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô, công suất...) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh.</i></p>
<b>CDNĐT 39.1</b>	<p>a) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ [<i>bên mời thầu lựa chọn một trong các hình thức: Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Đối với trường hợp quy định bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh thì ghi như sau: “Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng được lập theo Mẫu số 14 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của HSMT hoặc một mẫu khác nhưng phải gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo đảm thực hiện hợp đồng được người có thẩm quyền chấp thuận”.</i></p> <p>b) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ [<i>ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, bảo đảm giá trị bảo đảm dự thầu từ 1 - 3% tổng vốn đầu tư.</i>]</p> <p>c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày _____  <i>[Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho</i></p>

	<i>đến ngày nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng dự án].</i>
<b>CDNĐT 39.2</b>	<p>- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ____ [<i>ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án.</i>]</p> <p><i>Ví dụ: Bên mời thầu phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc không chậm hơn ____ ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng].</i></p>
<b>CDNĐT 40</b>	<p>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:</p> <p>a) Địa chỉ của bên mời thầu: ____ [<i>ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của bên mời thầu.</i>]</p> <p>b) Địa chỉ của người có thẩm quyền: ____ [<i>ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án.</i>]</p> <p>c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: ____ [<i>ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ.</i>]</p>

## CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

### A. Đánh giá HSDXKT

#### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDXKT

##### 1.1. Kiểm tra HSDXKT

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDXKT;
- b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư; đề xuất về kỹ thuật; các thành phần khác thuộc HSDXKT theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXKT.

##### 1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDXKT

HSDXKT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDXKT;
- b) Có đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;



- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐXKT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên liên danh;

đ) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Thời hạn hiệu lực của HSĐXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;

g) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNĐT. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực không đáp ứng yêu cầu của HSMT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSMT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu

được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐXKT được coi là “Hợp lệ” khi tất cả nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. HSĐXKT của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi bất kỳ một nội dung được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSĐXKT của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSĐXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

## **Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

### **2.1. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm \_\_\_ [*quy định là 100 hoặc 1.000*] trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là \_\_\_ % tổng số điểm [*quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60% điểm tối đa*] và điểm đánh giá của từng tiêu chí (vốn chủ sở hữu; khả năng huy động vốn vay của nhà đầu tư; kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, thực hiện dự án tương tự; kinh nghiệm vận hành công trình, dự án tương tự; nhân sự chủ chốt; lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện) là \_\_\_ % điểm tối đa của nội dung đó [*quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%*].

b) Đối với nhà đầu tư liên danh:

- Vốn chủ sở hữu, vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu, vốn vay của các thành viên liên danh. Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

- Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

### **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá**

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

**Bảng số 01**

## TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
<b>I. Năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn</b>					
1	Vốn chủ sở hữu <sup>(1)</sup>				<p>Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp<sup>(2)</sup>: ____ [ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.2 BDL.</p> <p>[Đối với dự án đầu tư kinh doanh có sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15%, tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.</p> <p>Đối với dự án đầu tư kinh doanh không sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp từ 15 tổng mức đầu tư thực hiện dự án tùy theo tính chất, quy mô dự án đang xét ]</p>
2	Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp <sup>(3)</sup>				Vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu: ____ [ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.3 BDL].
<b>II. Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự</b>					
1	Kinh nghiệm đầu tư, xây dựng các công				Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
	trình, dự án tương tự <sup>1</sup> (4)				<p>đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: _____ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu]. Cách xác định dự án như sau <sup>(5)</sup>:</p> <p>a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng __ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổng vốn đầu tư tối thiểu là <sup>(6)</sup> _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]</li> <li>- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là <sup>(7)</sup> _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].</li> </ul> <p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực _____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] mà</p>

<sup>1</sup> Ếp dụng đối với dự án cú cấu phần xây dựng

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
					<p>nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng __ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] và có giá trị tối thiểu là<sup>(8)</sup> ____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực ____ [ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét] đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng __ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] của đối tác với giá trị hoặc tổng vốn đầu tư tối thiểu bằng ____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét].</p>
2	Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự (nếu có) <sup>(9)</sup>				Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, dự án) tương tự trong lĩnh vực ____ [ghi lĩnh vực tương tự

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
					<p>với lĩnh vực của dự án đang xét] mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính, đối tác: _____ dự án [ghi số lượng theo yêu cầu] để đạt điểm yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau<sup>(10)</sup>:</p> <p>a) Loại 1: Dự án mà nhà đầu tư đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà đầu tư và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổng vốn đầu tư tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]</li> <li>- Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét theo quy định tại Mục 1.2 BDL];</li> </ul>

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
					<p>-Hoặc có công suất vận hành tối thiểu là _____ (đối với dự án thu gom, xử lý chất thải, dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa; dự án dịch vụ chuyên ngành hàng không;...)</p> <p>b) Loại 2: Dự án/gói thầu/hợp đồng mà nhà đầu đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng __ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] với vai trò là nhà thầu chính vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công với giá trị tối thiểu là _____ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]. -Hoặc có công suất vận hành tối thiểu là _____ (đối với dự án thu gom, xử lý chất thải, dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa; dự án dịch vụ chuyên ngành hàng không;...)</p> <p>c) Loại 3: Dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần</p>

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
					<p>lớn trong vòng ___ năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu] của đối tác (đối với trường hợp nhà đầu tư có thỏa thuận hợp tác với đối tác để tham gia thực hiện công việc vận hành, kinh doanh công trình, dự án (trung tự) với giá trị hoặc tổng vốn đầu tư tối thiểu bằng ___ [ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét] hoặc có công suất vận hành tối thiểu là ___ (đối với dự án thu gom, xử lý chất thải, dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, dự án dịch vụ chuyên ngành hàng không, ...)</p>
3	<p>Sự đáp ứng của nhà đầu tư đối với các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có)</p>				<p>Cung cấp giấy phép kinh doanh của nhà đầu tư trong lĩnh vực ___ (ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét) còn hiệu lực trong ___ năm (ghi số năm, thông thường hiệu lực của giấy phép kinh doanh phải bảo đảm trong thời gian thực hiện dự án)</p>



TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
4	Kinh nghiệm của đội ngũ nhân sự chủ chốt (nếu cần)				<p>Số lượng nhân sự mà nhà đầu tư hoặc liên danh bố trí để tham gia thực hiện dự án _____ người/%  <i>[ghi số lượng người hoặc tỉ lệ phần trăm trên tổng số nhân sự yêu cầu để thực hiện dự án], đáp ứng một hoặc nhiều điều kiện sau<sup>(9)</sup>:</i></p> <p>a) Đạt chứng chỉ _____ (ghi tên chứng chỉ) trong lĩnh vực _____  <i>[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét].</i></p> <p>b) Làm việc tối thiểu _____ năm trong ngành, lĩnh vực _____  <i>[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét].</i></p> <p>c) Tham gia thực hiện dự án trong lĩnh vực _____ <i>[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]</i> với vai trò là _____  <i>[ghi vai trò tương tự với vai trò trong dự án đang xét]</i> đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng _____ năm trở lại đây <i>[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]</i> và có giá trị tối thiểu là _____ <i>[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng]</i></p>

TT	Nội dung	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu
					<i>của dự án đang xét</i> ].
5	Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện				Kê khai tranh chấp, khiếu kiện của nhà đầu tư đối về nội dung (ghi nội dung tranh chấp, khiếu kiện – chất lượng công trình, tiến độ thực hiện dự án, số lượng phạt vi phạm trong quá trình thực hiện) của dự án đã và đang thực hiện trong năm trở lại đây [ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]

## Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: giá trị tài sản ròng, doanh thu, lợi nhuận,...

(2) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư 02 năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và

các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm gửi cơ quan có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, có thể xem xét, bên mời thầu căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án. Trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMT, hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lý (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Người có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng vốn đầu tư của dự án.

(iii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(5), (10) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 08 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: \_\_\_\_\_ [quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 - 0,7 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ].

(6) (7) (8) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng vốn đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(9) Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

Trường hợp nhà đầu tư sử dụng đối tác cùng thực hiện dự án, nhà đầu tư phải cung cấp hợp đồng nguyên tắc, thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đối tác hoặc cam kết của đối tác về việc tham gia thực hiện dự án.

### **Mục 3. Đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh**

#### **3.1. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh (bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, môi trường, xã hội) sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm \_\_\_\_\_ [quy định là 100 hoặc 1.000] trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là \_\_\_\_\_ % tổng số điểm [quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%] và điểm đánh giá của từng tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn là \_\_\_\_\_ % điểm tối đa của nội dung đó [quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%].

Điểm của từng tiêu chuẩn (tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, môi trường, xã hội) được tính theo điểm của các tiêu chí theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

$t_{ji}$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

$w_{ji}$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết "i" trong tiêu chuẩn tổng quát "j",

$k$  = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát "j", và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

$S_j$  = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$W_j$  = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

$N$  = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

### 3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh

*[Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp đánh giá được áp dụng theo quy định tại Mục 3.1 Chương này. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về phương án đầu tư kinh doanh để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư.]*

*Căn cứ vào từng dự án đầu tư kinh doanh cụ thể, khi lập HSMT, bên mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chuẩn đánh giá về phương án đầu tư kinh doanh bao gồm các nội dung sau:*

#### 3.2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

a) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư xây dựng công trình dự án của nhà đầu tư (gồm phạm vi, quy mô đầu tư) với quy hoạch, kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có) trong trường hợp dự án có cấu phần xây dựng; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với dự án xây dựng nhà ở xã hội; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; quy hoạch hoặc văn bản tương đương được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của văn bản pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có);

b) Yêu cầu về sự phù hợp của thiết kế kiến trúc do nhà đầu tư đề xuất, trong đó có công năng cơ bản của công trình dự án, hạ tầng kỹ thuật liên quan, cảnh quan dự án (áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có cấu phần xây dựng); yêu cầu về công năng chính của công trình, hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, cảnh quan đảm bảo đồng bộ

với tổng thể công trình tại cảng hàng không, sân bay; công trình giao thông đường bộ;

c) Yêu cầu về thời gian, tiến độ đầu tư xây dựng công trình, phương án phân kỳ đầu tư (áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có cấu phần xây dựng); yêu cầu về phương án tổ chức vận hành, kinh doanh của nhà đầu tư; yêu cầu về sự phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư;

d) Yêu cầu về tính khả thi, ứng dụng của giải pháp công nghệ do nhà đầu tư đề xuất; yêu cầu về chuyển giao công nghệ (áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có ứng dụng công nghệ); yêu cầu về phần cứng, phần mềm, đường truyền dữ liệu (đối với các dự án kinh doanh đặt cược); yêu cầu về sự phù hợp với quy định về tiêu chí công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

đ) Yêu cầu về sự phù hợp của phương án đầu tư hệ thống đặt cược trong đó có phần cứng, phần mềm, đường truyền dữ liệu; yêu cầu về sự phù hợp của phương án kinh doanh đặt cược trong đó có việc tổ chức kinh doanh đặt cược, các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mô hình quản trị doanh nghiệp áp dụng đối với dự án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế và dự án đầu tư có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó theo quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế.

đ) Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, dịch vụ công mà nhà đầu tư cung cấp đối với dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa; yêu cầu về kỹ thuật chuyên ngành, phạm vi, quy mô nạo vét, khối lượng sản phẩm được thu hồi.

### *3.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về xã hội:*

a) Yêu cầu về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);

b) Yêu cầu về khả năng đóng góp phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương thông qua: sử dụng lao động địa phương; đào tạo nguồn nhân lực; mức thu nhập bình quân và tốc độ tăng thu nhập bình quân;

c) Yêu cầu về mức giá hoặc phí mà cơ sở, hộ kinh doanh thứ cấp phải thanh toán cho nhà đầu tư;

đ) Yêu cầu về phục vụ nhu cầu và lợi ích chăm sóc sức khỏe cho nhân dân áp dụng đối với dự án khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực y tế;

### *3.2.3. Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường*

a) Yêu cầu về sự phù hợp của công trình, sản phẩm, dịch vụ cung cấp với quy

định của pháp luật về môi trường trong ngành, lĩnh vực; yêu cầu về giải pháp nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa để hạn chế tận thu sản phẩm ảnh hưởng đến vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa;

b) Yêu cầu về giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường (áp dụng đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;

d) Yêu cầu về tỷ lệ sử dụng đất, tài nguyên; khả năng bảo tồn hoặc cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái thiên nhiên tại khu vực thực hiện dự án;

## **B. Đánh giá HSDXTC**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDXTC:**

#### **1.1. Kiểm tra HSDXTC**

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDXTC, bao gồm: Đơn dự thầu đề xuất về tài chính; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính theo Mục 15 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDXTC.

#### **1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDXTC**

HSDXTC của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDXTC;

b) Có đơn dự thầu đề xuất về tài chính được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu đề xuất về tài chính phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự thầu đề xuất về tài chính được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự thầu đề xuất về tài chính theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSMT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự thầu đề xuất về tài chính dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

c) Giá trị ghi trong đơn dự thầu đề xuất về tài chính phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu.

d) Thời hạn hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDXTC được coi là “Hợp lệ” khi tất cả các nội dung được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDXTC của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi có bất kỳ một nội dung được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSDXTC của nhà đầu tư đó bị loại. Nhà đầu tư có HSDXTC hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính.

## **Mục 2. Đánh giá về tài chính**

### **2.1. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá tài chính sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm \_\_\_\_ [*quy định là 100 hoặc 1.000*] trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là \_\_\_\_ % tổng số điểm [*quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%*] và điểm đánh giá của từng tiêu chuẩn (tiêu chuẩn đánh giá về giá trị bằng tiền tối thiểu mà nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước; tỷ lệ chia sẻ doanh thu; giá dịch vụ công; số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án; giá trị phúc lợi xã hội đóng góp cho địa phương) là \_\_\_\_ % điểm tối đa của nội dung đó [*quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%*]

### **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá dựa trên tiêu chuẩn về hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương**

*Căn cứ quy mô, tính chất dự án cụ thể, bên mời thầu phải xác định một hoặc các tiêu chí dưới đây xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính:*



2.2.1 Giá trị bằng tiền tối thiểu mà nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước ngoài các nghĩa vụ tài chính, ngân sách theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.2.2. Tỷ lệ tối thiểu mà nhà đầu tư chia sẻ doanh thu cho Nhà nước

2.2.3. Giá dịch vụ mà Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư

2.2.4. Số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án

2.2.5. Giá trị phúc lợi xã hội mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương nơi thực hiện dự án

## CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

### A. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSDXKT

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu đề xuất về kỹ thuật
2. Mẫu số 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu số 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
8. Mẫu số 08: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
9. Mẫu số 09: Đề xuất về kỹ thuật
10. Mẫu số 10: Bảo lãnh dự thầu
11. Mẫu số 11: Đội ngũ nhân sự chủ chốt
12. Mẫu số 12: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện

### B. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSDXTC

1. Mẫu số 13: Đơn dự thầu đề xuất về tài chính

Mẫu số 01

**ĐƠN DỰ THẦU ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT<sup>(1)</sup>**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

**Kính gửi: \_\_\_ [ghi tên bên mời thầu]**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_ [ghi tên bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) phát hành ngày \_\_\_ [ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư] và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_ ngày \_\_\_ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, \_\_\_ [ghi tên nhà đầu tư] nộp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết<sup>(2)</sup>:

1. Chỉ tham gia trong một về hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất về kỹ thuật là chính xác, trung thực.

6. Doanh nghiệp được chúng tôi thành lập để thực hiện dự án sau khi trúng thầu sẽ được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà chúng tôi cam kết tại hồ sơ dự thầu này và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có)<sup>(3)</sup>.

7. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu.

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_ ngày [ghi số ngày]<sup>(4)</sup>, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư<sup>(5)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)<sup>(6)</sup>]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu của HSDXKT.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận, HSDT bị loại và nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Không áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư không thành lập doanh nghiệp để triển khai dự án.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDXKT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(6) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

## GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà đầu tư*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà đầu tư*], bằng văn bản này ủy quyền cho: \_\_\_\_ [*ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] do \_\_\_\_ [*ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[*Phạm vi ủy quyền gồm một hoặc một số công việc sau:*

- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);
- Các công việc khác [*ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)*].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà đầu tư*]. \_\_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(1)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản. Người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản. Đính kèm theo bản gốc của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật một (01) bản gốc.

**Người được ủy quyền**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*<sup>(2)</sup>]

**Người ủy quyền**

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*<sup>(3)</sup>]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh:** \_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án \_\_\_ [*ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: \_\_\_ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho. \_\_\_ [*ghi tên một thành viên*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (*có thể điều chỉnh, bổ sung theo thoả thuận của các bên*):

[*Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:*

- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);
- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh <sup>(1)</sup>[*ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh*]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [ <i>Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)</i> ]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [ <i>Đứng đầu liên danh</i> ]			[ <i>tối thiểu 30%</i> ]



2	Thành viên 2			<i>[tối thiểu 15%]</i>
3	Thành viên 3			<i>[tối thiểu 15%]</i>
.....				
<b>Tổng</b>			....	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
- Liên danh không trúng thầu;
- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư của dự án theo thông báo của bên mời thầu.
- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành \_\_\_ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ \_\_\_ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh <sup>(2)</sup>**  
*[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh,  
ký tên và đóng dấu (nếu có)<sup>(3)</sup>]*

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

**THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:
3. Năm thành lập công ty:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
  - Tên:
  - Địa chỉ:
  - Số điện thoại/fax:
  - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN<sup>(1)</sup>

TT	Tên đối tác <sup>(2)</sup>	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia <sup>(3)</sup>	Người đại diện theo pháp Luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác <sup>(4)</sup>
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
	.....				

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “vai trò tham gia”. Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho bên mời thầu.
- (3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.
- (4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ<sup>(1)</sup>****1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh<sup>(2)</sup>:**a) Tóm tắt các số liệu về tài chính<sup>(3)</sup>:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện <sup>(4)</sup> (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm<sup>(5)</sup>

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán; Báo cáo tài chính của nhà đầu tư 02 năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán (nếu có); Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

**CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH,  
TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

1. Tôi là \_\_\_ [*ghi tên*], \_\_\_ [*ghi chức vụ*], là đại diện hợp pháp của \_\_\_ [*ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư*], xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị <sup>(1)</sup>
<b>I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:</b>	
1.	
2.	
...	
<b>II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:</b>	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.



**KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯỞNG TỰ<sup>(1)</sup>**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]*1. Dự án số 01: \_\_\_ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng (nếu có): _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư/thành viên liên danh
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án <sup>(2)</sup> : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng vốn đầu tư:

	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VND
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VND
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện <sup>(3)</sup>
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: \_\_\_ [ghi tên dự án]

...

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện dự án như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền/đại diện cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu), giấy chứng

nhận đủ điều kiện vận hành, kinh doanh theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực...

## ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXKT, bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSĐXKT, gồm các nội dung sau đây:

### 1. Đề xuất về kỹ thuật:

- Sự phù hợp của phương án đầu tư xây dựng công trình dự án của nhà đầu tư (gồm phạm vi, quy mô đầu tư) với quy hoạch, kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; quy hoạch xây dựng có tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/500 (nếu có); chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (nếu có); quy hoạch hoặc văn bản tương đương được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của văn bản pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có);

- Sự phù hợp của thiết kế kiến trúc do nhà đầu tư đề xuất, trong đó có công năng cơ bản của công trình dự án, hạ tầng kỹ thuật liên quan, cảnh quan dự án; chứng minh công năng chính của công trình, hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, cảnh quan đồng bộ với tổng thể công trình tại cảng hàng không, sân bay; công trình giao thông đường bộ (đối với dự án .....

- Sự phù hợp thời gian, tiến độ xây dựng công trình, phương án phân kỳ đầu tư với thời hạn, tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt tại quyết định chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc văn bản; sự phù hợp phương án tổ chức vận hành, kinh doanh của nhà đầu tư;

- Ứng dụng giải pháp công nghệ, chuyển giao công nghệ.

### 2. Đề xuất phương án mang lại hiệu quả cho xã hội:

- Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Đề xuất phúc lợi xã hội cho người lao động tại địa phương;

- Đề xuất mức giá, phí cho đơn vị kinh doanh thứ cấp;

- Chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### 3. Đề xuất giảm thiểu tác động môi trường:

- Đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường;
- Đề xuất sử dụng sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng;
- Đề xuất tỷ lệ sử dụng đất nhằm bảo tồn, cải thiện đất, tài nguyên, hệ sinh thái thiên nhiên

Nhà đầu tư phải đề xuất hình thức quản lý thực hiện dự án (thành lập doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án hoặc trực tiếp thực hiện dự án theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 49 Nghị định .....

Trường hợp thành lập doanh nghiệp dự án thì doanh nghiệp được thành lập để quản lý dự án đầu tư kinh doanh sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).

**BẢO LÃNH DỰ THẦU <sup>(1)</sup>****Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà đầu tư theo đúng đơn dự thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham gia đấu thầu dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án] theo Thông báo mời thầu số \_\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thông báo mời thầu được đăng tải trên Hệ thống].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu thầu dự án bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ<sup>(4)</sup>:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu ( hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 35.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

3. Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

4. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao

hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.5 CDNĐT của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả<sup>(5)</sup>.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Trường hợp nội dung thư bảo lãnh liệt kê thiếu một trong các hành vi vi phạm thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên

**KINH NGHIỆM CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

<b>STT</b>	<b>Vị trí công việc</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Kinh nghiệm trong các công việc tương tự</b>	<b>Chứng chỉ, trình độ chuyên môn<sup>(1)</sup></b>
1			<i>tối thiểu _ năm hoặc tối thiểu _ hợp đồng</i>	
2			<i>tối thiểu _ năm hoặc tối thiểu _ hợp đồng</i>	
...				
n				

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.



Mẫu số 12

**LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

Tên nhà đầu tư: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

<b>Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện</b>			
<b>Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây:</b>			
<input type="checkbox"/> Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện.			
<input type="checkbox"/> Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
<b>Năm</b>	<b>Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện</b>	<b>Giá trị tranh chấp, khiếu kiện<sup>(2)</sup></b>	<b>Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu</b>

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và HSĐT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là đồng tiền quy định tại Mục 16 **BDL**.

**ĐƠN DỰ THẦU ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

(Địa điểm), ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_

**Kính gửi: \_\_\_ [ghi tên bên mời thầu]**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu của dự án \_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_ [ghi tên bên mời thầu] phát hành ngày \_\_\_ và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số \_\_\_ ngày \_\_\_ [ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có], chúng tôi, \_\_\_ [ghi tên nhà đầu tư], cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với nội dung như sau:

*[- Giá trị bằng tiền tối thiểu mà nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước ngoài các nghĩa vụ tài chính, ngân sách theo quy định của pháp luật có liên quan.*

*- Tỷ lệ tối thiểu mà nhà đầu tư chia sẻ doanh thu cho Nhà nước*

*- Giá dịch vụ mà Nhà nước thanh toán cho nhà đầu tư*

*- Số lượng hạ tầng xã hội, công trình công cộng phục vụ cộng đồng xung quanh dự án*

*- Giá trị phúc lợi xã hội mà nhà đầu tư đóng góp cho địa phương nơi thực hiện dự án]*

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư<sup>(4)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)<sup>(5)</sup>*

Ghi chú:

(2) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**. Thời gian có hiệu lực của HSĐXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 01 ngày.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(5) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn dự thầu và các tài liệu khác trong HSDT là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.



## PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tại Phần này bên mời thầu nêu cụ thể thông tin về dự án tại quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc đề xuất dự án đã được phê duyệt và các yêu cầu về trách nhiệm của nhà đầu tư trong việc thực hiện dự án, nghĩa vụ tài chính cũng như các trách nhiệm có liên quan khác, gồm:

### I. Thông tin về dự án

*Bên mời thầu cập nhật các nội dung có liên quan đến dự án để nhà đầu tư chuẩn bị HSDT bao gồm:*

- Tên dự án;
- Tên cơ quan có thẩm quyền;
- Tên cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư;
- Tên bên mời thầu;
- Mục tiêu của dự án;
- Quy mô, công suất của dự án;
- Địa điểm thực hiện dự án;
- Nhu cầu sử dụng đất, mặt đất và tài nguyên khác (nếu có);
- Phương án bồi thường tái định cư (nếu có);
- Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất;
- Tổng mức đầu tư;
- Loại hợp đồng dự án;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Ưu đãi và bảo đảm đầu tư;
- Các nội dung liên quan khác.

### II. Yêu cầu về thực hiện dự án

*1. Yêu cầu về kỹ thuật chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp*

*- Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.*

2. Yêu cầu về vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án

3. Các yêu cầu về môi trường, an toàn theo quy định của pháp luật về môi trường

- Yêu cầu về môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành, kinh doanh hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ công.

- Yêu cầu về đánh giá tác động tiêu cực đối với môi trường và biện pháp khắc phục.

4. Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

### **III. Yêu cầu về nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư**

#### **1. Bố trí vốn thực hiện dự án**

Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn để thực hiện dự án; đồng thời nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo giá trị, thời gian được xác định tại hợp đồng cho thuê đất, quyết định giao đất.

Việc xử lý vi phạm pháp luật về đất đai (bao gồm cả việc không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án) được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai và các quy định có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu phát hành kèm theo HSMT các văn bản, tài liệu có liên quan (về quy hoạch, hiện trạng khu đất,...) để nhà đầu tư có đầy đủ thông tin nghiên cứu, đề xuất phương án thực hiện.

### PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở các nội dung cơ bản của hợp đồng dự án theo hướng dẫn dưới đây, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, người có thẩm quyền, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong HSMT. Dự thảo hợp đồng bao gồm các điều khoản để làm cơ sở cho các bên đàm phán, hoàn thiện, ký kết và thực hiện hợp đồng, bảo đảm phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

*Liệt kê các văn bản pháp lý làm căn cứ ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:*

- Các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn liên quan đến việc triển khai dự án;

- Các nghị quyết hoặc quyết định phê duyệt các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương liên quan đến dự án;

- Các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

#### II. CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

*Kê khai thông tin của các Bên ký kết hợp đồng dự án, bao gồm:*

a) Cơ quan có thẩm quyền.

- Tên cơ quan có thẩm quyền;

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Tên và chức vụ của người đại diện;

- Văn bản ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (nếu có).

b) Nhà đầu tư

- Tên doanh nghiệp (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;



- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp) (đối với trường hợp Nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

(Trường hợp một Bên ký kết là Nhà đầu tư nước ngoài, ghi tên, quốc tịch, giấy tờ chứng thực của Nhà đầu tư; số giấy phép thành lập, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương, nếu có; địa chỉ, điện thoại, fax, họ và tên, chức vụ của người đại diện được ủy quyền).

c) Doanh nghiệp dự án (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư trúng thầu thành lập doanh nghiệp dự án và doanh nghiệp dự án hợp thành một bên để ký kết hợp đồng dự án với cơ quan có thẩm quyền)

- Tên doanh nghiệp dự án (tên tiếng Việt, tiếng Anh và tên viết tắt, nếu có);

- Địa chỉ;

- Số điện thoại và số fax;

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Số, ngày cấp, nơi cấp, đơn vị cấp);

- Tên và chức vụ của người đại diện theo pháp luật.

### **III. NGUYÊN TẮC KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

1. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực;

b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.

3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh,

tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng.

4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật Đấu thầu.

#### **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN**

##### **Điều 1. Mục đích của hợp đồng dự án**

Thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án về quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trong việc thực hiện các quy định tại hợp đồng dự án, quy định của

##### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Điều này quy định về:

a) Định nghĩa và các từ viết tắt về các khái niệm, từ ngữ được sử dụng trong hợp đồng dự án, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và bối cảnh cụ thể của hợp đồng dự án.

b) Nguyên tắc giải thích các từ số ít, số nhiều, giới tính và các vấn đề đặc thù khác trong trường hợp hợp đồng dự án được ký kết với một bên là nhà đầu tư nước ngoài.

##### **Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

Điều này quy định các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu thuộc hồ sơ hợp đồng, bao gồm:

1. Văn bản thỏa thuận của các bên về hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
5. Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư được lựa chọn;
6. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

7. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án hoặc điều chỉnh dự án đầu tư (nếu có) đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

8. Các tài liệu có liên quan.

#### **Điều 4. Ngôn ngữ**

Điều này quy định ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng: Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt trong trường hợp nhà đầu tư trúng thầu là nhà đầu tư trong nước. Trường hợp hợp đồng có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và ngôn ngữ khác do các bên thỏa thuận. Khi hợp đồng được ký kết bằng hai ngôn ngữ thì các bên phải thỏa thuận về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình giao dịch hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng ngôn ngữ để giải quyết tranh chấp hợp đồng.

#### **Điều 5. Mục tiêu, phạm vi và quy mô của dự án**

Điều này quy định mục tiêu của dự án gồm:

- a) Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của dự án.
- b) Quy mô, công suất của dự án; hạng mục công trình chính của dự án.
- c) Tổng chi phí thực hiện dự án.

#### **Điều 6. Địa điểm thực hiện dự án và diện tích sử dụng đất (nếu có)**

Điều này quy định địa điểm thực hiện dự án, bao gồm cụ thể địa danh, vị trí, diện tích sử dụng đất trong phạm vi dự án và các công trình có liên quan (nếu có).

#### **Điều 7. Thời hạn hợp đồng và tiến độ thực hiện dự án**

Điều này quy định:

1. Thời hạn hợp đồng dự án căn cứ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, được xác định từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực cho đến khi dự án chuyển sang giai đoạn khai thác, vận hành.

2. Các trường hợp, điều kiện, thủ tục để điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án theo quy định và thỏa thuận cụ thể giữa các Bên.

3. Tiến độ thực hiện dự án bao gồm các mốc thời gian sau:

- a) Thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);
- b) Thời gian xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;

c) Thời gian vận hành, quản lý, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

#### **Điều 8. Thành lập doanh nghiệp quản lý dự án đầu tư kinh doanh**

- Mô hình tổ chức, hoạt động của Doanh nghiệp quản lý dự án đầu tư kinh doanh.

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp quản lý dự án đầu tư kinh doanh.

- Vốn điều lệ của doanh nghiệp quản lý dự án đầu tư kinh doanh.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án**

Điều này quy định các trách nhiệm của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có thể được quy định trong hợp đồng, gồm:

Điều này quy định các trách nhiệm của nhà đầu tư có thể được quy định trong hợp đồng, gồm:

- Tuân thủ cam kết bố trí vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) theo tiến độ trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt;

- Tuân thủ cam kết đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu;

- Thực hiện dự án theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; pháp luật điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án, đặc biệt là liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, môi trường và thuế;

- Tuân thủ các cam kết về giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, chuyển giao công nghệ mà đã được hưởng ưu đãi trong đấu thầu;

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

#### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền**

Điều này quy định các trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền có thể được quy định trong hợp đồng, gồm:

- Bàn giao mặt bằng khu vực dự án theo tiến độ quy định tại hợp đồng.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thực hiện dự án, bao gồm các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng và đất đai (giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...).

- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận (nếu có).

#### **Điều 11. Yêu cầu thực hiện dự án**

*Điều này quy định:*

1. Nội dung nguyên tắc thực hiện dự án đầu tư, triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
2. Các yêu cầu về thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; yêu cầu bảo đảm chất lượng công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan.
3. Yêu cầu bố trí đủ vốn để thực hiện dự án.
4. Yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án (bao gồm các nội dung về thời gian xây dựng công trình và thời gian khai thác dự án) và các trường hợp và điều kiện được phép điều chỉnh thời gian, tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có); tiến độ giao đất, cho thuê đất, điều kiện sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác và công trình có liên quan**

*Điều này quy định về:*

1. Sau khi ký kết hợp đồng, bên mời thầu, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án phối hợp với cơ quan chuyên ngành trình cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai.
2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất, giám sát, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
3. Nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong việc bảo đảm thu xếp nguồn vốn để thanh toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).
4. Điều kiện sử dụng đất, mặt nước, tài nguyên khác hoặc công trình có liên quan theo quy định của pháp luật và bối cảnh của dự án.
5. Khai quật và xử lý các vật hóa thạch, cổ vật, công trình kiến trúc hoặc hiện vật khác trong khu vực dự án và quyền, nghĩa vụ của các bên đối với các hiện vật này.
6. Thời điểm, tiến độ giao đất, cho thuê đất. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc quản lý, sử dụng diện tích đất được giao.
7. Trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu trên.

**Điều 13. Giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư, bàn giao mặt bằng xây dựng**

*Điều này quy định về:*

1. Sau khi hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu đất thực hiện dự án (nếu có), việc giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư trúng thầu hoặc doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án áp dụng theo trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Tiến độ bàn giao mặt bằng xây dựng cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.

#### **Điều 14. Quản lý chất lượng công trình dự án**

*Điều này quy định về:*

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư tự xác định giá trị vốn đầu tư của dự án đầu tư sau khi dự án đầu tư đưa vào khai thác, vận hành.

3. Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ hoặc để xác định căn cứ tính thuế, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thực hiện giám định độc lập giá trị vốn đầu tư, chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sau khi dự án đầu tư đưa vào khai thác, vận hành.

4. Nhà đầu tư phải chịu chi phí giám định trong trường hợp kết quả giám định dẫn đến làm tăng nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

#### **Điều 15. Bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường**

*Điều này quy định về:*

1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện dự án và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 16. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Điều này quy định giá trị, hình thức, thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng và trường hợp nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng làm tăng tổng vốn đầu tư, kéo dài tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải sửa đổi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho phù hợp.

### **Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng**

Điều này quy định về sửa đổi hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

1. Điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

Việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp này chỉ được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện sau khi điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh;

2. Chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan;

3. Trường hợp khác được các bên thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Chuyển nhượng dự án đầu tư**

1. Điều này quy định các nội dung về điều kiện chuyển nhượng, thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật có liên quan. Trong mọi trường hợp, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án phải kế thừa toàn bộ nghĩa vụ còn lại của nhà đầu tư chuyển nhượng đã cam kết với cơ quan có thẩm quyền cũng như kế thừa quyền, nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Việc chuyển nhượng phải được người có thẩm quyền chấp thuận;

b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phải đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

c) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cam kết kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của bên chuyển nhượng theo quy định tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

### **Điều 19. Vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng và cơ chế giải quyết**

*Điều này quy định các nội dung sau:*

1. Các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng của từng Bên.
2. Cơ chế giải quyết trong từng trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng (ví dụ: Biện pháp khắc phục, đình chỉ việc thực hiện dự án, bồi thường thiệt hại, chấm dứt trước thời hạn hợp đồng...).
3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong xử lý các trường hợp vi phạm, không tuân thủ nghĩa vụ hợp đồng.

**Điều 20. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai**

*Điều này quy định về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Luật Đất đai và các quy định có liên quan.*

**Điều 21. Chấm dứt hợp đồng dự án**

*Điều này quy định các nội dung sau:*

1. Các trường hợp và điều kiện chấm dứt hợp đồng dự án theo thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn;
2. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi chấm dứt hợp đồng dự án theo đúng thời hạn đã thỏa thuận;
3. Quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn đã thỏa thuận; phương thức, thời hạn thanh toán, giá trị và phương pháp tính toán giá trị bồi thường thiệt hại do chấm dứt sớm của từng Bên.

**Điều 22. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan**

*Điều này quy định Luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan đến việc thực hiện dự án.*

**Điều 23. Giải quyết tranh chấp**

*Điều này quy định cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các Bên tham gia hợp đồng dự án và tranh chấp giữa nhà đầu tư với các bên có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.*

**Điều 24. Các sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý**

*Điều này quy định các nội dung sau:*



1. Các trường hợp bất khả kháng và nguyên tắc xác định sự kiện bất khả kháng theo quy định của Bộ luật Dân sự và thỏa thuận giữa các Bên.

2. Quy định quyền, nghĩa vụ của mỗi Bên khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Bộ luật Dân sự.

#### **Điều 25. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư (nếu có)**

Điều này liệt kê các ưu đãi, bảo đảm đầu tư, bao gồm:

- Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật khác có liên quan;

- Các ưu đãi, bảo đảm đầu tư đặc thù của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương.

#### **Điều 26. Hiệu lực hợp đồng dự án**

Điều này quy định các nội dung sau:

1. Thời điểm bắt đầu có hiệu lực và kết thúc hợp đồng dự án;

2. Thời gian, địa điểm ký kết, số bản hợp đồng và giá trị pháp lý của mỗi bản.

#### **Điều 27. Những nội dung khác**

Điều này quy định các nội dung khác do các Bên thỏa thuận tùy thuộc vào lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật.

(Ví dụ: Quy định về chế độ báo cáo, bảo mật thông tin và các vấn đề khác).

#### **IV. Các phụ lục và tài liệu kèm theo**

Các phụ lục, văn bản, tài liệu kèm theo do các Bên thỏa thuận phù hợp với lĩnh vực, quy mô, tính chất và yêu cầu thực hiện dự án.

MẪU SỐ ...

**THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

(Địa điểm), ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư)

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ [*Ghi số, ngày ký quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*] của \_\_\_\_ [*ghi tên người có thẩm quyền*] (sau đây gọi tắt là Người có thẩm quyền) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*], \_\_\_\_ [*ghi tên bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là Bên mời thầu) xin thông báo người có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] với thông tin hợp đồng là \_\_\_\_ [*ghi giá trị tổng chi phí thực hiện dự án; chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đề xuất nộp ngân sách nhà nước trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*] với thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Người có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm \_\_\_\_ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*].

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền là \_\_\_\_ và thời gian có hiệu lực là \_\_\_\_ [*ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 39.1 CDNDT của hồ sơ mời thầu*].

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp

ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu. Người có thẩm quyền sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày\_\_\_ [*ghi ngày cụ thể, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*] mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của bên mời thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

MÃ SỐ .....

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

(Địa điểm), ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Kính gửi:** \_\_\_\_\_ [*ghi tên cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng*]

(sau đây gọi tắt là Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi tắt là Hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong hồ sơ mời thầu (*hoặc hợp đồng*), Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*<sup>(3)</sup>], xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 39.1 CDNĐT*].

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [*ghi bằng chữ*] [*ghi bằng số*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_\_ cho đến hết ngày \_\_\_\_.<sup>(4)</sup>**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [*ghi tên nhà đầu tư*] là nhà đầu tư trúng thầu dự án \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] (sau đây gọi tắt là Nhà đầu tư) đã ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 40.1 CDNĐT.